

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-ST

Ngày: 31-7-2019

“V/v T/C hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Mai
2. Ông Võ Ngọc Bội

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV;

Địa chỉ: 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Văn D – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng 2, số 296 P, phường 7, quận P, thành phố H. (theo văn bản ủy quyền ngày 28/02/2019) (có mặt);

- Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1964 (vắng mặt không có lý do);

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967 (vắng mặt không có lý do);

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện M, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2019 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Vào ngày 31/01/2018 ông Lê Văn N và bà Phạm Thị T có vay vốn của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: LN1801170462201/BLC/HĐTD cụ thể: số tiền vay là 274.000.000đ, lãi suất thả nổi, ngày giải ngân 01/02/2018, mục đích vay mua xe.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sở hữu/sử dụng 01 xe ô tô có mui nhãn hiệu TERACO, loại số TERA240, số khung 17LHC000123, số máy LOA32053794, mang biển số 62C-10557 theo giấy đăng ký xe ô tô số 018658 do phòng CSGT tỉnh Long An cấp ngày 28/01/2018 đứng tên Phạm Thị T. Theo hợp đồng thế chấp số LN1801170462201/BLC/HĐTC ngày 31/01/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn N và bà Phạm Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông N, bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính đến ngày 31/7/2019; Tổng cộng gốc và lãi là 308.617.294đ (trong đó tiền gốc là 258.775.965đ và lãi là 49.841.329đ) và ông Nào, bà Thủy phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 01/8/2019 cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Trường hợp ông N, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là: Quyền sở hữu/sử dụng 01 xe ô tô có mui nhãn hiệu TERACO, loại số TERA240, số khung 17LHC000123, số máy LOA32053794, mang biển số 62C-10557 theo giấy đăng ký xe ô tô số 018658 do phòng CSGT tỉnh Long An cấp ngày 28/01/2018 đứng tên Phạm Thị T. Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông Nào và bà Thủy tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn ông Lê Văn N và bà Phạm Thị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N và bà T vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày; Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, ông N và bà T vắng mặt không có lý do.

Về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Khế ước nhận nợ số: LN1801170462201/BLC/HĐTD ký ngày 31/01/2018; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1801170462201/BLC/HĐTC ngày 31/01/2018; Điều lệ của Ngân hàng; Lịch sử thanh toán nợ và Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng ngày 28/02/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào Khế ước nhận nợ số: LN1801170462201/BLC/HĐTD ký ngày 31/01/2018 do nguyên đơn cung cấp; Nội dung của hợp đồng có thỏa thuận về việc vay số tiền vay, lãi suất cho vay, thời gian và phương thức trả tiền vay. Trong đó, bên cho vay là tổ chức tín dụng nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng; Bị đơn có nơi cư trú tại ấp 6, xã T, huyện M, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông N bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ Tổng cộng gốc và lãi là 308.617.294đ (trong đó tiền gốc là 258.775.965đ và lãi là 49.841.329đ). Tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là Khế ước nhận nợ số: LN1801170462201/BLC/HĐTD ký ngày 31/01/2018” trong đó có các nội dung thỏa thuận giữa ngân hàng với ông N

và bà T như: số tiền, lãi suất, thời hạn trả tiền, mục đích sử dụng vốn, quyền và nghĩa vụ của các bên và các thỏa thuận khác.

[2.2] Xét nội dung và hình thức của giao dịch giữa các bên theo Khế ước nhận nợ số: LN1801170462201/BLC/HĐTD ký ngày 31/01/2018 được xác định là hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân mà bản chất là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định của Bộ luật dân sự.

[2.3] Ông N và bà T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đã tự nguyện giao kết hợp đồng với Ngân hàng và nhận đủ số tiền vay là 285.259.882đ vào ngày 01/2/2018 với lãi suất thỏa thuận là thả nổi.

[2.4] Để đảm bảo cho khoản nợ vay ông N, bà T có ký kết hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1801170462201/BLC/HĐTC ngày 31/01/2018: tài sản bảo đảm là Quyền sở hữu/sử dụng 01 xe ô tô có mui nhãn hiệu TERACO, loại số TERA240, số khung 17LHC000123, số máy LOA32053794, mang biển số 62C-10557 theo giấy đăng ký xe ô tô số 018658 do phòng CSGT tỉnh L cấp ngày 28/01/2018 đứng tên Phạm Thị T.

[2.5] Xét lãi suất thỏa thuận giữa giữa Ngân hàng TMCP chiếu vào Điều 2 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về lãi suất thỏa thuận như sau: *“Tổ chức tín dụng niêm yết công khai lãi suất cho vay ở mức hợp lý, trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng ...”* và Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định: *“Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”*; Thỏa thuận về lãi suất trên cũng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn, buộc bị đơn ông N và bà T có nghĩa vụ trả cho giữa Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 308.617.294đ (trong đó tiền gốc là 258.775.965đ và lãi là 49.841.329đ) là có căn cứ.

[2.7] Xét yêu cầu được xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông N và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là: Quyền sở hữu/sử dụng 01 xe ô tô có mui nhãn hiệu TERACO, loại số TERA240, số khung 17LHC000123, số máy LOA32053794, mang biển số 62C-10557 theo giấy đăng ký xe ô tô số 018658 do phòng CSGT tỉnh L cấp ngày 28/01/2018 đứng tên Phạm Thị T; Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông N và bà T tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Buộc ông N và bà T có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 184, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Lê Văn N và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 308.617.294đ (trong đó tiền gốc là 258.775.965đ và lãi là 49.841.329đ).

Trường hợp ông N và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là: Quyền sở hữu/sử dụng 01 xe ô tô có mui nhãn hiệu TERACO, loại số TERA240, số khung 17LHC000123, số máy LOA32053794, mang biển số 62C-10557 theo giấy đăng ký xe ô tô số 018658 do phòng CSGT tỉnh L cấp ngày 28/01/2018 đứng tên Phạm Thị T. Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông N và bà T tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: LN1801170462201/BLC/HĐTD, ngày 31/01/2018 trên số dư nợ gốc.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Văn N và bà Phạm Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 15.431.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm ba mươi một ngàn đồng) sung công quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 7.131.500 đồng (Bảy triệu một trăm ba mươi một ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002808 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh L.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Vũ Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Quốc Trưởng Trần Khánh Hội

Nguyễn Vũ Khanh